

Bản án số: 21/2024/DS-ST.

Ngày: 29-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 284/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1982.

Địa chỉ : Tổ D, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Xuân T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ E, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Vào ngày 30/9/2022, bà cho bà Bùi Thị Xuân T vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả ngày 30/3/2023, lãi suất 1,67%/tháng, bà T không thực hiện đúng cam kết, bà T trả lãi đến ngày 23/10/2022 rồi ngưng không trả, nên bà nộp đơn khởi kiện, tại Tòa, bà T hứa trả cho bà tiền lãi mỗi tháng 2.400.000 đồng nên bà rút đơn khởi kiện vào ngày 21/4/2023 nhưng bà T cũng không thực

hiện nên bà tiếp tục khởi kiện bà T. Nay bà yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 23/10/2023 đến ngày xét xử mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn bà Bùi Thị Xuân T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các Thông báo, Quyết định tố tụng của Tòa án nhưng bà T không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của bà T.

**** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:***

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà S số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 23/10/2022 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà S. Bị đơn bà Bùi Thị Xuân T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc và lãi suất nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị S yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Xuân T trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 23/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, tại hợp đồng vay tiền bà S cung cấp thể hiện bên vay bà Bùi Thị Xuân T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/3/2023. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà S là có cơ sở chấp nhận, buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà S số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà S cung cấp giấy cam kết bà T đồng ý trả lãi mỗi tháng

2.400.000 đồng, nay bà S yêu cầu trả lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 23/10/2022 đến ngày xét xử.

Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của bà S thấp hơn mức lãi suất bà T thỏa thuận trả hàng tháng là có lợi cho bà T nên yêu cầu của bà S có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, bà T phải trả số tiền lãi là 28.552.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} + (200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 6 \text{ ngày} : 30)$).

Tổng số tiền bà T phải có trách nhiệm trả cho bà S là: 228.552.000 đồng (trong đó: 200.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 28.552.000 đồng).

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn bà S được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị Xuân T phải chịu 11.427.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản” với bà Bùi Thị Xuân T.

Buộc bà Bùi Thị Xuân T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị S số tiền 228.552.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng). (Trong đó: nợ gốc: 200.000.000 đồng, tiền lãi: 28.552.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Xuân T phải chịu 11.427.600 đồng (Mười một triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị S và bị đơn bà Bùi Thị Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên